

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS - PT

Ngày: 27 - 4 - 2022.

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng, ông Trần Hữu Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLPT - DS ngày 21/02/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS - ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2022 và các quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ trụ sở: Số 35 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Khắc H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh

H

Những người được ông Đỗ Khắc H ủy quyền lại:

- Ông Lê Huy V – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H

- Ông Phạm Văn T - Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 2 Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H

- Ông Bùi Thanh H - Kiểm soát viên Phòng khách hàng doanh nghiệp 2 Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H

- Ông Bùi Quang Tr - Chuyên viên Phòng khách hàng doanh nghiệp 2 Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H

Ông T, ông Tr có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Hùng H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 52 N, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Bà N có mặt, ông H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn M, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Hồng H1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 10/69 Đ, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M:* Ông Dương Minh D - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH một thành viên XXV, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 56, ngõ 58 phố Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

5. *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện của nguyên đơn trình bày: Trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng ông Đỗ Hùng H, bà Nguyễn Thị Hải N và Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 20/12/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013, với những nội dung cơ bản như sau: Ngân hàng TMCP Đ cho ông H, bà N vay số tiền 2.500.000.000 đồng để thanh toán tiền mua nhà ở; thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên; lãi vay trong hạn là 13.5%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Ngày 20/12/2012, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho ông H, bà N số tiền vay 2.500.000.000 đồng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà N với Ngân hàng TMCP Đ, vợ chồng ông Phạm Văn M và bà Lê Thị Hồng H1 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ tài sản gồm: Quyền sử dụng 119,6m² đất ở thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 7 và ngôi nhà cấp bốn, 01 tầng xây dựng trên đất; địa chỉ nhà đất: Ngõ 54 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại ngân hàng: 01/3282204) ngày 30/11/2011. Khoản nợ của ông H, bà N đã quá hạn thanh toán và Ngân hàng TMCP Đ nhiều lần đôn đốc nhưng ông H, bà N vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ tính đến ngày 28/02/2021 là 3.979.333.819 đồng (gồm tiền nợ gốc 2.218.000.000 đồng; tiền nợ lãi 1.761.333.819 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/3/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông H, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì BIDV được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hải N trình bày: Do có quan hệ họ hàng nên vợ chồng bà đồng ý đứng tên vay vốn hộ ông M, bà H1 tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H. Vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng ngày 20/12/2012 với Ngân hàng TMCP Đ để vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh H giải ngân tiền vay thì vợ chồng bà đã chuyển toàn bộ số tiền vay cho ông M, bà H1 sử dụng. Việc vợ chồng bà đứng tên vay hộ tiền cho ông M, bà H1 chỉ thỏa

thuận miệng, không lập thành văn bản. Tuy nhiên, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ với BIDV, ông M, bà H1 đã thế chấp nhà đất của họ tại ngõ 54 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương cho Ngân hàng TMCP Đ. Nay, bà đề nghị ông M, bà H1 phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Nếu ông M, bà H1 không trả được nợ thì đề nghị Tòa án cho Ngân hàng TMCP Đ được quyền phát mại tài sản thế chấp theo thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn M trình bày: Vì Công ty TNHH một thành viên T do ông làm Tổng giám đốc có vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ nhưng không kịp thời trả lãi nên vợ chồng ông đã thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của ông H, bà N và khoản tiền vay của ông H, bà N được Ngân hàng TMCP Đ đối trừ vào các khoản tiền lãi của Công ty TNHH một thành viên U. Ông xác định vợ chồng ông có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đ. Nếu bên vay không trả được nợ thì ông sẽ trả nợ thay bằng tiền mặt.

Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1 nhưng ông H, bà H1 đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án số 11/2021/DS - ST ngày 01/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã căn cứ vào các Điều 116, 117, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 688 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc ông Đỗ Hùng H và bà Nguyễn Thị Hải N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 01/12/2021 là 4.111.460.080 đồng, bao gồm: Nợ gốc 2.218.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 1.859.190.817 đồng; nợ lãi quá hạn 34.269.263 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 20/12/2012. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, BIDV có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng 119,6m² đất ở thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 7 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp bốn, 01 tầng xây dựng trên đất; địa chỉ nhà đất: Ngõ 54 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; giấy tờ về tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE411464, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH000066 do UBND thành phố H cấp ngày 13/6/2011 đứng tên ông M, bà H1 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC (số đăng ký tại Ngân hàng: 01/3282204) ngày 30/11/2011. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì ông

H, bà N phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ. Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 22/12/2021, ông M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nội dung bản án sơ thẩm không đúng sự thật khách quan của vụ án.

Ngày 08/4/2022, bà H1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà N trình bày như nội dung đã khai ở cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M giao nộp Đơn xin rút kháng cáo của bà H1 và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định địa chỉ của ông M, bà H1 ở thành phố H, tuy nhiên thực tế ông M, bà H1 sống ở thành phố Hà Nội; khi xác định được ông bà sống ở thành phố Hà Nội thì Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt các tài liệu tố tụng cho ông M, bà H1, không niêm yết các tài liệu tố tụng tại nơi cư trú để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đúng bản chất vụ án, ông H, bà N ký vay tiền nhưng không được nhận tiền vay mà Ngân hàng TMCP Đ đã đối trừ vào khoản tiền lãi cho Công ty TNHH một thành viên U mà ông M làm Tổng giám đốc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông M kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên xác định là kháng cáo hợp lệ. Ngày 08/4/2022, bà H1 mới có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là quá hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận được đơn xin rút kháng cáo của bà H1. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bà H1.

[2] Xét kháng cáo của M:

[2.1] Quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, sau khi xác định được địa chỉ nơi cư trú của ông M, bà H1 tại ngõ 69 Đ, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội theo cung cấp của ông M, Tòa án đã ủy thác nhờ Tòa án nhân dân quận Đống Đa tổng đạt trực tiếp tài liệu tố tụng cho ông M, bà H1 (bà H1 là người ký nhận). Tại văn bản ngày 26/11/2021 gửi cho Tòa án, ông M trình bày nơi vợ chồng ông đang sinh sống có F0 Covid 19 và vợ chồng ông thuộc diện F1 được chỉ dẫn cách ly y tế tại nhà nên không thể có mặt tham gia phiên tòa. Tại công văn số 4095/UBND-KGVX ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội quy định Ban chỉ đạo phòng chống dịch xã, phường, thị trấn phải ban hành quyết định cách ly y tế tại nhà đối với các trường hợp F1 và không thực hiện cách ly y tế tại nhà đối với người tiếp xúc gần với F1 tại quận Đống Đa. Theo công văn số 403/UBND ngày 29/11/2021, UBND phường Trung Tự, quận Đống Đa đã tiến hành rà soát và xác định tại thời điểm rà soát những người trong diện cách ly y tế trên địa bàn không có ông M, bà H1. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M, bà H1 là đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ngày 20/12/2012, ông H, bà N ký hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013. Theo đó, Ngân hàng TMCP Đ cho ông H, bà N vay số tiền 2.500.000.000 đồng với mục đích để thanh toán tiền nhà ở với thời hạn 96 tháng, kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi quá hạn. Để bảo đảm cho khoản vay trên của ông H, bà N với Ngân hàng TMCP Đ, ông M và bà H1 đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng thửa đất số 266, tờ bản đồ số 7 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại số 54 T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011/HĐTC ngày 30/11/2011. Xét việc giao kết các hợp đồng nêu trên giữa các bên đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho ông H, bà N số tiền vay nêu trên được thể hiện tại Bảng kê rút vốn ngày 20/12/2012; phương thức giải ngân là rút tiền mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng TMCP Đ khẳng định khoản vay trên của ông H, bà N không liên quan đến nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH một thành viên U; bà N đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M và bà N cho rằng khoản vay nêu trên của ông H, bà N người vay không được nhận tiền mà trừ vào khoản tiền lãi của công ty TNHH một thành viên U là không có căn cứ. Đã hết thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 24/6/2013 nh ông H, bà N chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông H, bà N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (01/12/2021) là 4.111.460.080 đồng, bao gồm: nợ gốc 2.218.000.000 đồng; lãi trong hạn 1.859.190.817 đồng; lãi quá hạn 34.269.263 đồng và tuyên buộc ông H, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Đối với tài sản thế chấp của ông M, bà H1: Tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐTC ngày 30/11/2011, các bên thỏa thuận: “*Bên thế chấp dùng toàn bộ tài sản thế chấp được mô tả tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với Bên vay*”. Đại diện Ngân hàng TMCP Đ cũng xác định ngoài khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông H, bà N không có khoản vay nào khác tại Ngân hàng TMCP Đ và tài sản thế chấp chưa được xử lý. Do vậy, trường hợp ông H, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải thanh toán thì phần chênh lệch được trả lại cho bên thế chấp. Nếu giá trị tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông H, bà N phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Đ.

Từ phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông M. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 275, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[2] Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001741 ngày 04/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- CC THADS thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm